

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2023/DS-PT
Ngày 14 – 8 – 2023
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng A, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Ninh Hiệp, xã Ninh Quới A, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bà Lưu Thị Tú N, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 19C3 đường Ngô Thị Ba, Khu dân cư Tràng An, Khóm 1, Phường 7, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L.

- Người kháng cáo: Ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng A trình bày: Giữa ông Huỳnh Hoàng A và ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N là bạn bè quen biết nên ông Hoàng A và cho

ông T, bà N có giao dịch hùn tiền làm ăn mua bán bất động sản. Ông Hoàng A hùn tiền cho ông T thực hiện giao dịch mua nhà bán lại với người khác, nếu ông Thuởng kinh doanh có lời thì chia lợi nhuận cho ông Hoàng A. Do là bạn bè tin tưởng nhau nên các giao dịch mua bán và tính lợi nhuận như thế nào thì ông T tự tính toàn bộ, đưa lợi nhuận bao nhiêu thì ông Hoàng A nhận bấy nhiêu, không hỏi ông T cách tính như thế nào. Từ năm 2020 đến 2022, ông Hoàng A đưa tiền hùn vốn cho ông T nhiều lần, có khi làm biên nhận, có khi không làm biên nhận và ông T cũng nhiều lần gửi tiền lợi nhuận cho ông Hoàng A thông qua tài khoản 78510000122330 mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đối với các khoản tiền ông Hoàng A đưa không có biên nhận do ông Trần Minh T không thừa nhận, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với các khoản tiền có biên nhận thì ông Hoàng A đã đưa cho ông T các cụ thể như sau:

Lần 1: Theo biên nhận đề ngày 07/7/2020 đưa số tiền 350.000.000 đồng.

Lần 2: Theo biên nhận đề ngày 20/7/2020 đưa số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 3: Theo biên nhận đề ngày 06/10/2020 đưa số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 4: Theo biên nhận đề ngày 22/01/2021 đưa số tiền 300.000.000 đồng.

Lần 5: Theo biên nhận đề ngày 19/11/2021 đưa số tiền 150.000.000 đồng.

Khi giao dịch các khoản tiền này ông Hoàng A và ông T ký kết, chữ viết trong các biên nhận và chữ ký viết tên do ông Thuởng ký và viết ra, bà Lưu Thị Tú N không có mặt và không ký tên vào biên nhận, tuy nhiên bà N đều biết tất cả các giao dịch giữa ông T và ông Hoàng A cũng đồng ý giao dịch. Năm 2022, ông Hoàng A không hợp tác kinh doanh với ông T nữa nhưng đến tháng 12/2022, ông T vẫn không trả ông số tiền đã hùn vốn. Nay ông Hoàng A yêu cầu ông T bà N cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc theo 05 biên nhận nêu trên tổng cộng là 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N trình bày: Ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Năm 2020, 2021, ông bà có giao dịch kinh doanh bất động sản, ông bà thống nhất có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Hoàng A theo 05 biên nhận như ông Hoàng A liệt kê ở trên do ông T viết và ký tên nhưng số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền ông bà vay của ông Hoàng A không phải tiền góp vốn.

Từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2022 ông T, bà N đã trả cho ông Hoàng A trên 3.000.000.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi, nên ông bà không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Hoàng A.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hoàng A với ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N Buộc ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú Nguyên trả cho ông Huỳnh Hoàng A số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, về áp dụng điều luật về tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, bị đơn ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì ông bà đã cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Thường, bà N thay đổi kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố Tụng dân sự; sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N nộp trong hạn luật định là hợp lệ, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Hoàng A.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh T, bà Lưu Thị Tú N, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng A xác định ông và ông T là bạn học nên các bên hùn vốn kinh doanh, còn việc kinh doanh như thế nào, lãi suất bao nhiêu ông không biết, việc này do ông T tự tính toán, cân đối; nếu có lãi thì ông T sẽ chuyển khoản cho ông theo số tài khoản hai bên đã thỏa thuận. Trong thời gian từ ngày 07/7/2020 đến ngày 19/11/2021 ông chuyển tiền cho ông T 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn ông T, bà N thừa nhận có nhận tiền từ ông Hoàng A 1.000.000.000 đồng theo 05 Biên nhận ông Hoàng A cung cấp, nhưng ông T, bà N xác định đã

chuyển khoản thanh toán nợ gốc và lãi cho ông Hoàng Anh tổng số tiền 3.080.300.000 đồng.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Hoàng A cung cấp sao kê và Bảng tổng hợp sao kê xác định, ngoài số tiền mà ông chuyển khoản cho ông T, thì ông còn chuyển khoản cho ông Thường số tiền 2.390.386.000 đồng. Ông T bà N xác định số tiền này ông Hoàng A có chuyển vào tài khoản số 0321000613166 tại Ngân hàng Vietcombank của ông T, tuy nhiên ông T xác định số tiền 2.390.366.000 đồng là trong số 1.000.000.000 đồng theo 05 Biên nhận, do chuyển qua lại nhiều lần.

Xét thấy, chứng cứ của nguyên đơn xác định có chuyển khoản cho ông T tổng số tiền 3.390.386.000 đồng; bị đơn ông Thường, bà Nguyễn xác định có nhận số tiền này từ ông Hoàng A. Tuy nhiên, ông T, bà N xác định có chuyển tiền vào số tài khoản 78510000122330 của ông Hoàng A tổng số tiền 3.080.300.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc hùn vốn kinh doanh chung, không chứng minh được lợi nhuận cụ thể. Vì vậy, số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn và số tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn được đối trừ thì ông T, bà N còn nợ anh Hoàng A số tiền 310.086.000 đồng. Do đó, cần buộc vợ chồng ông T, bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng A số tiền 310.086.000 đồng.

Do nguyên đơn ông Hoàng A không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lãi suất là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Anh là chưa phù hợp. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm, ông Huỳnh Hoàng A phải chịu 5% đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận (689.914.000 đồng x 5%) là 34.495.700 đồng. Ông Hoàng A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0008037 ngày 01/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được chuyển thu án phí; ông Hoàng A còn phải nộp số tiền 13.495.700 đồng. Ông Trần Văn T, bà Lưu Thị Tú N phải chịu 5% của số tiền ông Hoàng Anh yêu cầu được chấp nhận (310.086.000 x 5%) = 15.504.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm, ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N không phải chịu, ông T và bà N đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008499 và số 0008497 cùng ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Minh Thường và bà Lưu Thị Tú Nguyên. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 184, Điều 217, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 157, Điều 429, Điều 166, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Hoàng A đối với ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N.

Buộc ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N hoàn trả cho ông Huỳnh Hoàng A số tiền 310.086.000 đồng (Ba trăm mười triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hoàng A về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Minh T, bà Lưu Thị Tú N trả số tiền 689.914.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Huỳnh Hoàng A phải 34.495.700 đồng. Ông Hoàng A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0008037 ngày 01/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được chuyển thu án phí; ông Hoàng Anh còn phải tiếp số tiền 13.495.700 đồng.

Ông Trần Văn T và bà Lưu Thị Tú N phải nộp án phí 15.504.000 đồng

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh T và bà Lưu Thị Tú N không phải chịu, ông T và bà N đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008499 và số 0008497 cùng ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu ;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng